VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần: Tích lũy thận trọng

Kỳ vọng thoái vốn nhà nước thúc đẩy thị trường

Dữ liệu lao động Mỹ thấp hơn kỳ vọng



Kỳ vọng thoái vốn nhà nước



Triển vọng thị trường



Trần Thị Ngọc Hoà hoa.ttn@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- **Kỳ vọng Fed tăng lãi suất giảm sau khi dữ liệu thị trường lao động của Mỹ được công bố thấp hơn kỳ vọng**. Cụ thể, số liệu việc làm phi nông nghiệp Mỹ (NFP) giảm 23K trong tháng 7 (so với kỳ vọng là tăng 80K).

Việt Nam

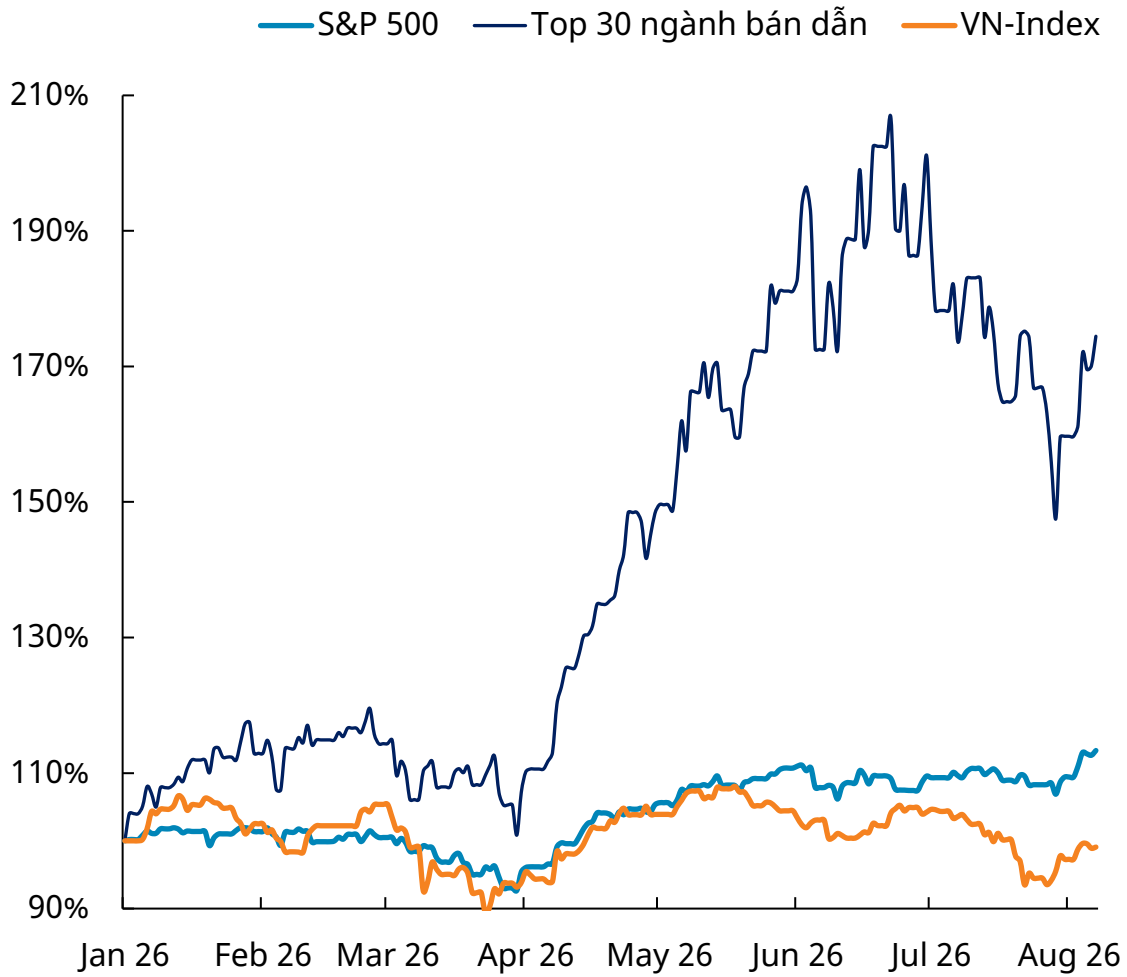
- **Tiêu điểm tuần**:
    - **Ngày 5/8/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 40/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước** (hiệu lực từ ngày 5/8/2026). **Dư địa nâng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng của một số doanh nghiệp Nhà nước kỳ vọng được cải thiện, khi quá trình cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được chú trọng.**
- **Tỷ giá USD/VND giữ ổn định** (26.430; -0,2% WoW; +0,2% YTD). **Áp lực tỷ giá giảm bớt trong bối cảnh DXY tiếp tục hạ nhiệt** (-0,4% WoW; +1,2% YTD).
- **Lãi suất qua đêm tăng lên 4,83%** (+350bps WoW) tính đến ngày 5/8. Trong tuần 3–7/8, NHNN bơm hơn 76 nghìn tỷ qua OMO.
- **VN-Index: 1.768,06 (+1,9% WoW)** duy trì đà hồi phục tại vùng định giá thấp. **Một số yếu tố có thể hỗ trợ tâm lý thị trường**: 1) Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước (Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam, Quyết định 40/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp); 2) Kỳ vọng mức tăng trưởng cả năm khoảng 20–22% YoY.
- **Định giá: Tăng trưởng LNST quý 2 lên đến 46% YoY đã đưa mức định giá P/E thị trường về 13,4x (P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn: 13,9x)**.
- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Kỳ vọng Fed tăng lãi suất giảm sau khi thị trường lao động Mỹ hạ nhiệt

- **Số liệu việc làm phi nông nghiệp Mỹ (NFP) giảm 23K trong tháng 7 (so với kỳ vọng là tăng 80K)**. Số liệu việc làm của tháng 5 và tháng 6 cũng được điều chỉnh giảm, với tổng số lượng việc làm điều chỉnh thấp hơn 103K so với báo cáo trước đó.
- **Kỳ vọng Fed tăng lãi suất giảm sau khi thị trường lao động Mỹ hạ nhiệt.** Xác suất kỳ vọng Fed tăng lãi suất 25 điểm cơ bản vào kỳ họp giữa tháng 9 giảm xuống 44% từ mức 67% vào ngày 31/7, theo CME Fedwatch.
- **Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ hạ nhiệt** trên cả kỳ hạn 2 năm (4,2%; -10bps WoW) và 10 năm (4,65%; -9bps WoW).
- **Tuần qua, chứng khoán Mỹ tăng tích cực,** nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan cùng với đà giảm của lợi suất trái phiếu Mỹ.
- **Sự kiện quan trọng sắp tới**:
    - **Lạm phát tháng 7 của Mỹ**: Kỳ vọng hạ nhiệt trong bối cảnh áp lực giá cả từ những tác động liên quan đến căng thẳng Trung Đông đang giảm bớt (kỳ vọng hạ nhiệt xuống 3,4% từ mức 3,5% tháng trước; lạm phát cơ bản hạ nhiệt xuống 2,5% từ mức 2,6% tháng trước).

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

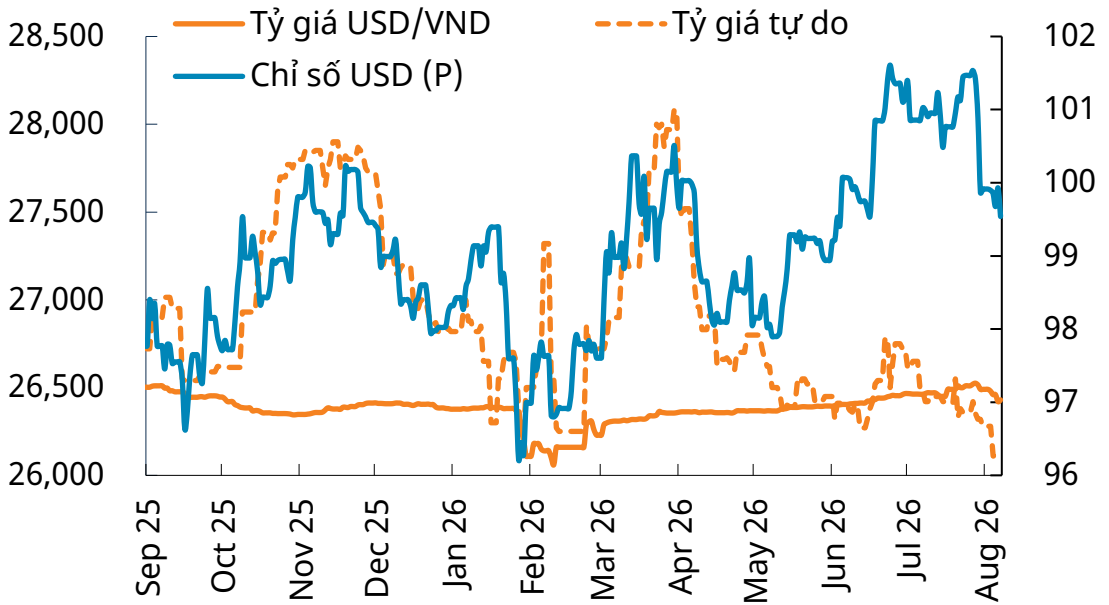


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **07/08/2026**

Áp lực tỷ giá giảm bớt

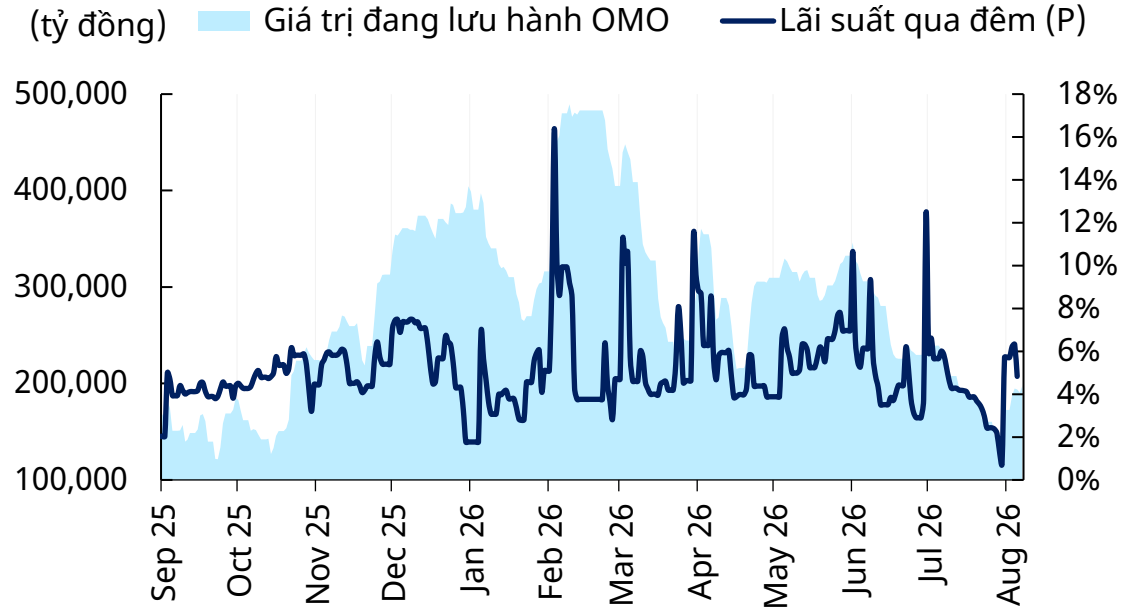
- **Tỷ giá USD/VND vẫn giữ ổn định**, với tỷ giá bán VCB ngày 7/8 là 26.430 (-0,2% WoW; +0,2% YTD); trong khi tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục hạ nhiệt xuống 26.100 (-0,7% WoW; -2,7% YTD). **Áp lực tỷ giá giảm bớt trong bối cảnh chỉ số sức mạnh đồng USD (DXY) tiếp tục hạ nhiệt** (-0,4% WoW; +1,2% YTD).
- **Lãi suất qua đêm tăng lên 4,83%** (+350bps WoW) tính đến ngày 5/8. Trong tuần 3–7/8, NHNN bơm hơn 76 nghìn tỷ qua OMO (mua kỳ hạn 7–91 ngày) tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5%; theo đó, **thanh khoản thị trường liên ngân hàng tăng hơn 24,7 nghìn tỷ đồng**.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg. FiinPro. NHNN. cập nhật tới **07/08/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro. NHNN. **OMO cập nhật tới 07/08/2026. lãi suất liên ngân hàng cập nhật tới 05/08/2026**

Kỳ vọng chất xúc tác mới đến từ thúc đẩy thoái vốn nhà nước sau Quyết định 40/2026/QĐ-TTg ngày 5/8/2026 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu Fiinpro, **cập nhật tới 07/08/2026**

Tiếp tục hoàn thiện khung chính sách về cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

- Ngày 12/2/2026, Nghị định 57/2026/NĐ-CP được Chính phủ ban hành (có hiệu lực từ ngày 13/02/2026) quy định chi tiết về việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- **Ngày 5/8/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 40/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước**. Tiêu chí phân loại làm căn cứ để phê duyệt kế hoạch và thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP. Trong đó, **yêu cầu cơ quan đại diện chủ sở hữu đề xuất kế hoạch 5 năm cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp để theo dõi tiến độ rõ ràng**.

- **Dư địa nâng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng của một số doanh nghiệp Nhà nước kỳ vọng được cải thiện khi quá trình cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được chú trọng.** Theo quy định về công ty đại chúng, tỷ lệ này được yêu cầu tối thiểu 10% (tối thiểu 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ).

20 doanh nghiệp cơ cấu lại vốn Nhà nước theo Nghị định 57/2026/NĐ-CP
(1) Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng quốc gia Việt Nam
(2) Tập đoàn Điện lực Việt Nam
(3) Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
(4) Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)
(5) Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
(6) Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - VRG (GVR)
(7) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
(8) Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
(9) Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (HVN)
(10) Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (MVN)
(11) Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
(12) Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam
(13) Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)
(14) Tổng Công ty Cà phê Việt Nam
(15) Tổng Công ty Lương thực miền Nam (VSF)
(16) Tổng Công ty Lương thực miền Bắc
(17) Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
(18) Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
(19) Tập đoàn Bảo Việt (BVH)
(20) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

Tiếp tục hoàn thiện khung chính sách về cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Khung tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định 40/2026/QĐ-TTg

Quy định tỷ lệ vốn nhà nước	Quy định đối với ngành/ lĩnh vực
Nắm giữ 100% vốn điều lệ	Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu, Lĩnh vực độc quyền tự nhiên, Hạ tầng trọng điểm quốc gia, Công nghệ cao, khoa học công nghệ, và các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế
Nắm giữ từ 65% trở lên	**Hàng không, bến cảng tại cảng biển đặc biệt**, Khai thác khoáng sản quy mô lớn, **Tài chính, ngân hàng**, Cơ khí chế tạo, Doanh nghiệp đảm bảo nhu cầu thiết yếu vùng sâu, vùng xa
Nắm giữ trên 50% đến dưới 65%	**Đầu mối nhập khẩu xăng dầu chiếm thị phần từ 30% trở lên**, **Cung cấp dịch vụ viễn thông có tầm quan trọng đặc biệt với hạ tầng viễn thông quốc gia**, Tìm kiếm, thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản (trừ dầu khí)
Không thuộc tiêu chí phân loại	Doanh nghiệp có ngành, lĩnh vực không thuộc Tiêu chí phân loại sẽ thực hiện cơ cấu lại theo hướng Nhà nước không tiếp tục nắm giữ vốn. **Đề xuất giữ lại phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định**
Doanh nghiệp đa ngành	Xác định khung tỷ lệ theo ngành có tỷ trọng lớn nhất trong tổng sản lượng hoặc tổng doanh thu 3 năm liên tiếp liền kề trước thời điểm phê duyệt kế hoạch 5 năm

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1.768,06 (+1,9% WoW) duy trì đà hồi phục tại vùng định giá thấp

- **Duy trì đà hồi phục tại vùng định giá thấp:** VN-Index hồi phục tuần thứ 2 liên tiếp tại vùng định giá P/E dưới mức trung bình 10 năm trừ 1 độ lệch chuẩn (SD); tuy nhiên, thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp (dưới 15 nghìn tỷ/ngày) cho thấy tâm lý thị trường vẫn thận trọng chờ đợi tín hiệu bứt phá rõ ràng hơn.

- **Kỳ vọng thoái vốn nhà nước thúc đẩy thị trường:** Một số cổ phiếu kỳ vọng được hưởng lợi từ xu hướng cơ cấu lại vốn Nhà nước (BVH: +11%; GAS: +9%, PLX: +8%, GVR: +8%; BCM: +8% WoW) tăng tích cực sau thông tin Quyết định 40/2026/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước được ban hành ngày 5/8.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	8,355	100%	2%	38%	5%
Bất động sản	2,787	33%	0%	54%	26%
Ngân hàng	2,588	31%	3%	23%	3%
Tiêu dùng thiết yếu	599	7%	0%	38%	-2%
Dịch vụ tài chính	475	6%	0%	8%	-18%
Nguyên vật liệu	434	5%	3%	62%	0%
Tiện ích	325	4%	6%	15%	23%
Tiêu dùng không thiết yếu	301	4%	2%	69%	-20%
Vận tải	281	3%	4%	54%	9%
Xây dựng cơ bản	251	3%	4%	23%	14%
Dầu khí	208	2%	4%	31%	23%
CNTT	129	2%	5%	46%	42%
Bảo hiểm	62	1%	9%	77%	61%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **07/08/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Tích lũy thận trọng

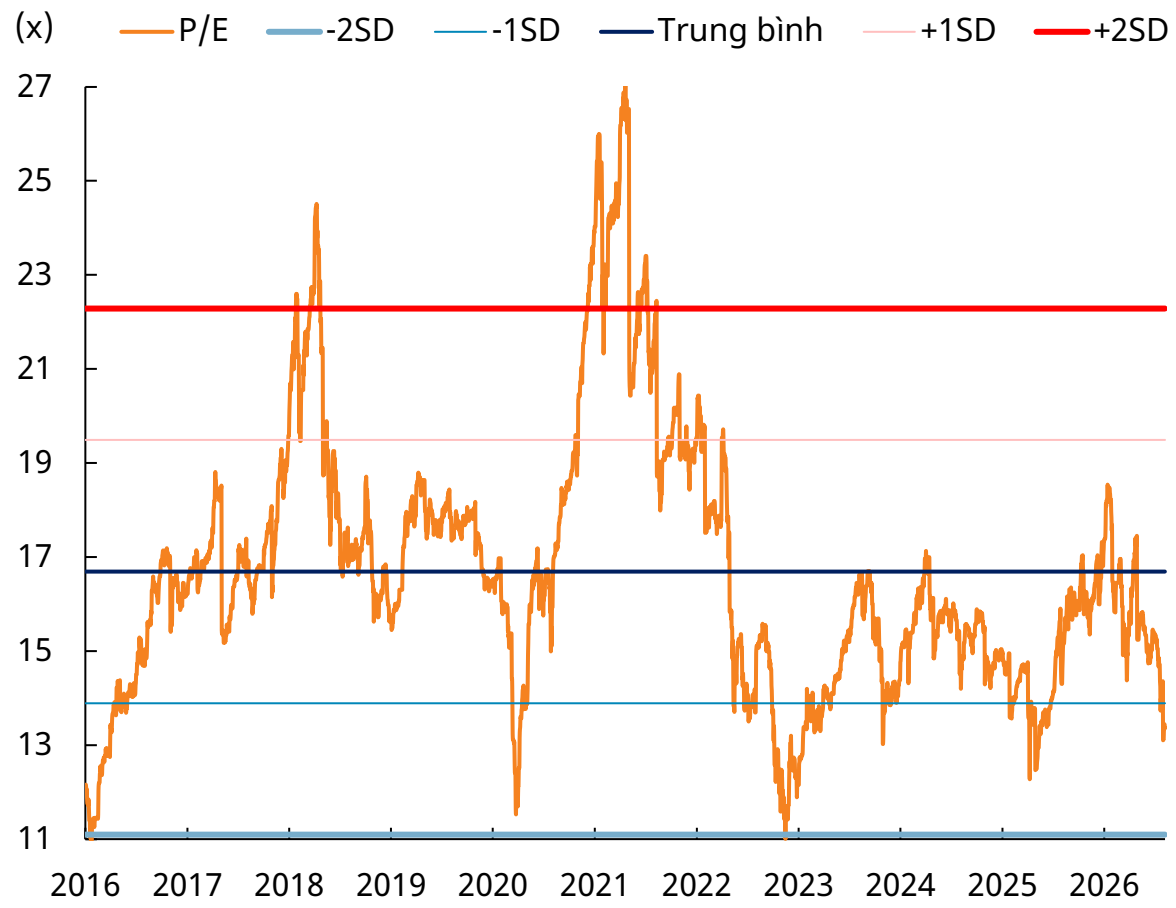
- **Nhịp hồi phục có thể được củng cố nếu có sự cải thiện hơn về thanh khoản. Một số yếu tố có thể hỗ trợ tâm lý thị trường**: 1) Tiếp tục hoàn thiện bộ khung giải pháp chính sách giúp khơi thông dòng vốn trong nước (Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam, Quyết định 40/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp); 2) Kỳ vọng mức tăng trưởng cả năm khoảng 20–22% YoY.

- **Theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài (địa chính trị, thuế quan, chính sách tiền tệ của Fed); 2) NĐT nước ngoài tiếp tục bán ròng; 3) Tâm lý chờ đợi hiệu quả rõ ràng hơn từ một loạt các chính sách thúc đẩy kinh tế trong nước được ban hành, đặc biệt là về khơi thông dòng vốn.

- **Định giá: Với tăng trưởng LNST quý 2 lên đến 46% YoY đã đưa mức định giá P/E thị trường về vùng 13,4x (so với mức P/E trung bình dài hạn trừ 1 độ lệch chuẩn là 13,9x)**. Nhìn lại thống kê từ năm 2025 đến nay, đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

- **Ngưỡng hỗ trợ: 1650**. **Ngưỡng kháng cự: 1800**.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **07/08/2026**.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**8,355,474**	**49.6**	**1,768.06**	**1,855.74**	**1,756.07**	**0.2**	**1.9**	**-4.3**	**-7.4**	**13.4**	**2.0**	**16.2**	**13.4**	**30.2**
VN30 Index		**6,402,022**	**47.8**	**1,911.09**	**2,002.01**	**1,894.06**	**0.4**	**2.1**	**-4.2**	**-8.1**	**11.2**	**2.0**	**18.2**	**16.3**	**22.6**
VN100 Index		**7,730,868**	**50.2**	**1,823.70**	**1,930.68**	**1,812.21**	**0.1**	**2.1**	**-5.1**	**-8.5**	**11.1**	**1.6**	**15.7**	**14.6**	**28.9**
Bất động sản	VIC	1,668,870	30	215,000	221,200	212,300	**-1.7**	0.4	**-2.4**	**-4.0**	73.1	9.8	14.2	3.2	44.8
	VHM	599,682	30	73,000	76,800	73,000	**-5.3**	**-1.4**	**-2.7**	**-9.6**	7.5	2.3	33.8	7.1	42.9
	VPL	141,671	15	79,000	84,000	79,000	**-2.3**	**-0.8**	**-4.1**	**-13.7**	56.2	3.7	6.8	6.3	42.7
	VRE	56,694	40	24,950	27,500	24,650	**-1.4**	0.6	**-8.8**	**-31.6**	7.8	1.1	15.5	11.4	37.6
	BCM	39,951	**4**	38,600	50,900	36,200	6.9	8.1	**-23.9**	**-27.7**	19.4	1.8	9.2	0.7	33.4
	NVL	33,389	55	13,900	13,950	12,400	1.5	6.9	10.8	**-9.7**	7.5	0.6	9.6	4.2	44.9
	KBC	26,369	65	28,000	28,950	27,500	0.7	0.7	**-2.8**	**-18.8**	22.8	1.1	4.7	7.3	41.7
	KDH	20,144	65	17,950	21,350	17,700	0.8	2.9	**-14.3**	**-25.8**	12.3	1.1	9.0	24.4	25.6
	VPI	19,907	50	62,200	63,400	61,300	**-1.3**	**-2.7**	1.0	2.0	49.8	3.7	7.7	9.6	39.4
	SJS	14,041	80	47,200	48,000	46,600	0.2	0.1	**-1.3**	**-17.8**	23.0	3.6	17.4	0.6	49.4
	DXG	13,569	80	10,700	12,300	10,700	**-2.3**	3.9	**-10.1**	**-21.0**	67.6	0.9	1.4	18.4	31.6
	TAL	12,625	30	25,050	25,600	24,850	**-2.3**	12.6	**-2.5**	**-18.0**	15.6	2.2	16.2	9.9	39.1
	SIP	12,324	45	50,900	51,700	49,600	1.6	5.8	2.4	**-13.7**	9.0	2.5	27.6	2.4	46.6
	PDR	11,874	60	11,900	14,650	11,650	0.8	3.9	**-16.8**	**-28.1**	19.1	0.9	4.9	6.9	43.1
	NLG	10,771	80	22,200	26,150	21,900	1.8	0.0	**-13.5**	**-17.8**	18.0	0.9	5.3	38.6	11.4
	TCH	10,763	60	11,800	14,200	11,800	**-2.5**	3.5	**-15.1**	**-30.8**	36.0	0.9	2.9	9.5	41.5
	DIG	8,522	95	10,700	12,600	10,650	0.0	6.5	**-10.1**	**-26.2**	11.0	0.8	8.3	2.3	46.7
	KOS	7,598	40	35,100	36,950	34,500	0.3	**-1.1**	**-4.0**	**-8.8**	283.3	3.3	0.8	0.1	48.9
	HDG	6,735	60	16,550	19,100	16,450	0.0	2.5	**-11.5**	**-28.7**	9.2	1.0	11.3	16.1	33.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **07/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Ngân hàng	VCB	498,834	11	59,700	61,800	58,700	1.2	0.7	-2.6	-1.0	12.0	2.0	18.0	20.2	9.9
	BID	284,287	6	39,050	42,000	37,900	3.0	2.8	-6.2	-4.4	8.6	1.5	16.5	17.5	12.5
	CTG	252,426	15	32,500	34,700	31,350	3.7	5.5	-5.1	-9.2	6.3	1.3	22.2	24.6	5.4
	TCB	210,461	55	29,700	34,200	28,900	1.7	2.6	-12.3	-11.9	7.8	1.2	16.1	20.9	1.6
	VPB	198,348	55	25,000	28,100	24,650	-0.6	0.8	-9.4	-11.2	6.7	1.1	18.3	23.2	6.8
	MBB	194,528	50	24,150	26,150	23,850	1.0	7.3	-6.2	-7.5	6.5	1.3	22.1	22.2	1.0
	LPB	158,027	90	52,900	53,800	51,900	1.7	2.1	-1.7	3.3	14.0	3.7	27.0	1.3	3.7
	STB	140,637	95	74,600	76,100	70,900	3.3	4.6	5.4	1.2	23.0	2.2	5.0	11.1	18.9
	HDB	132,890	80	26,550	27,750	26,300	0.0	5.4	-4.2	-3.5	6.7	1.5	25.8	21.5	5.5
	ACB	130,019	85	22,400	22,850	22,050	1.1	2.3	-0.9	10.5	8.3	1.3	16.8	24.2	5.8
	SHB	62,521	75	11,700	13,400	11,650	-0.8	1.7	-12.7	-17.0	4.5	0.7	17.5	3.9	26.1
	SSB	51,603	55	15,050	16,400	15,050	-1.0	-3.2	-8.2	8.0	17.8	1.2	7.1	0.3	29.7
	MSB	50,544	70	16,200	16,200	16,000	0.3	1.6	0.3	24.6	8.6	1.1	13.9	7.5	22.5
	VIB	49,869	55	14,650	16,450	14,550	0.7	1.0	-9.8	-9.0	6.7	1.0	16.2	3.4	1.6
	TPB	40,501	55	14,600	16,500	14,350	0.7	3.5	-9.9	-9.0	5.3	0.9	18.0	22.1	8.0
	EIB	33,529	80	18,000	20,450	17,950	-0.8	1.1	-10.9	-18.4	68.2	1.3	1.9	1.3	28.7
	OCB	31,850	30	10,400	11,600	10,300	0.5	2.5	-8.4	6.3	7.2	0.9	12.9	19.6	2.5
	NAB	24,294	80	11,800	13,400	11,700	-0.8	-2.9	-9.9	-2.3	5.2	0.9	19.9	1.1	28.9
Dịch vụ tài chính	TCX	109,036	15	39,300	45,200	39,250	-0.3	-4.1	-12.2	-8.4	17.4	2.4	16.1	9.2	90.8
	VCK	73,900	25	30,350	34,100	30,350	-0.7	-2.1	-10.2	-12.5	10.2	2.5	19.3	3.7	96.3
	SSI	60,907	70	24,450	27,800	24,200	0.6	3.8	-9.9	-13.8	12.0	1.5	13.9	29.9	70.1
	VPX	47,531	20	25,350	29,000	25,200	-1.0	-0.2	-11.2	-8.8	10.8	1.4	14.4	4.2	95.8
	HCM	34,221	55	25,350	25,800	24,680	-0.4	1.4	1.3	2.7	23.6	2.1	10.7	34.2	14.8
	VIX	33,324	100	13,600	16,850	13,500	-0.7	4.6	-17.6	-23.2	6.3	1.0	15.7	6.2	93.8
	VND	25,346	75	16,650	19,100	16,600	-0.3	0.3	-11.2	0.0	9.4	1.2	13.1	8.9	91.1
	VCI	25,061	75	21,750	25,900	21,550	0.0	2.1	-12.7	-16.0	15.6	1.5	9.8	17.2	82.8
	DSE	9,486	35	22,150	23,550	21,900	0.5	-0.2	-4.5	-2.4	35.9	1.7	5.0	10.6	89.4
	EVF	9,393	95	12,350	13,000	12,300	0.0	1.2	-3.9	-7.1	10.0	0.9	9.4	0.3	14.7
	FTS	8,328	40	21,850	28,500	21,700	0.0	2.1	-22.9	-9.5	19.8	1.9	9.7	24.6	75.4
	BSI	7,598	14	28,150	37,300	27,900	0.7	2.0	-23.6	-11.7	15.2	1.4	9.3	35.5	64.5
	CTS	5,921	25	21,750	29,400	21,650	-0.5	-0.5	-24.7	3.3	15.7	2.1	14.0	0.5	48.5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **07/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	**BVH**	49,661	**10**	66,900	67,100	59,500	6.5	11.3	12.4	**-0.4**	16.8	2.0	12.2	27.4	21.6
Xây dựng cơ bản	GEE	42,978	14	67,100	87,500	66,900	**-1.2**	0.4	**-22.0**	**-45.0**	12.1	5.3	47.9	1.0	49.0
	GEX	32,123	70	24,550	29,300	24,400	**-0.4**	9.1	**-16.4**	**-21.8**	21.6	1.7	8.8	6.0	44.0
	REE	29,339	35	47,100	48,100	47,000	**-0.8**	1.3	**-0.7**	**-11.8**	11.1	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	17,261	12	38,500	43,000	37,750	2.4	1.7	**-10.5**	**-12.2**	12.1	2.1	16.3	0.9	48.1
	BMP	12,181	45	148,800	151,000	147,000	0.8	**-2.9**	**-0.5**	**-1.2**	9.5	4.3	45.4	82.6	17.4
	VCG	10,927	55	15,650	19,259	15,600	0.0	1.0	**-17.3**	**-24.4**	2.9	1.0	39.0	2.0	47.0
	CTR	9,864	35	77,000	77,500	75,000	1.6	7.1	2.5	1.5	15.1	4.4	30.9	5.0	44.1
	CII	9,240	95	13,750	17,100	13,750	0.0	5.0	**-17.9**	**-26.1**	79.7	1.0	1.2	3.7	36.3
	PC1	8,493	60	20,650	22,150	20,400	0.7	**-3.5**	**-4.4**	8.4	8.2	1.3	16.6	8.6	41.4
	CTD	6,944	55	62,100	71,500	61,500	**-0.2**	1.8	**-13.4**	**-23.0**	8.2	0.7	9.2	46.8	2.2
	HHV	5,499	85	10,050	10,714	10,000	0.0	0.9	**-5.8**	**-15.9**	8.6	0.5	5.8	10.4	38.6
Nguyên vật liệu	HPG	185,746	60	22,000	23,400	21,750	0.7	1.4	**-4.8**	**-12.8**	8.0	1.3	17.6	21.7	27.3
	GVR	119,000	**4**	29,750	31,850	28,200	6.8	8.2	**-5.4**	**-17.0**	18.7	2.0	11.2	0.6	12.4
	DCM	16,729	25	31,600	36,850	30,800	2.4	2.9	**-10.0**	**-23.1**	7.2	1.5	21.3	6.3	42.7
	DPM	14,856	40	21,850	24,200	21,500	1.6	**-7.2**	**-3.5**	**-16.0**	9.0	1.3	15.0	3.3	46.7
	HSG	8,678	70	10,750	11,700	10,750	**-0.5**	0.5	**-6.5**	**-14.7**	13.2	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,940	35	58,600	64,000	57,800	1.2	3.2	**-8.3**	**-9.4**	8.5	1.7	22.1	12.1	**-12.1**
	NKG	5,440	75	11,050	12,150	10,950	0.5	0.9	**-7.9**	**-15.0**	32.7	0.7	2.2	4.6	45.4
	HT1	4,942	25	12,950	13,300	12,800	**-0.8**	6.1	**-2.3**	**-11.9**	12.8	1.0	7.7	2.2	46.8
Vận tải	VJC	96,521	35	125,500	139,000	124,800	**-0.4**	0.4	**-10.2**	**-10.4**	43.8	3.7	8.7	6.2	23.8
	GMD	32,925	95	77,200	77,900	75,800	0.1	0.3	1.6	**-2.9**	13.9	2.4	18.3	40.6	8.4
	VTP	10,452	40	51,500	54,533	49,500	3.2	7.3	**-4.1**	**-8.7**	30.5	5.7	19.3	3.7	45.3
	VSC	5,485	95	14,650	17,600	14,600	**-1.7**	6.2	**-16.5**	**-33.6**	16.0	1.0	6.7	3.5	45.5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **07/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	104,258	75	71,000	79,200	70,200	**-0.3**	1.6	**-8.4**	**-17.4**	10.6	2.9	30.2	49.0	0.0
	FRT	23,604	55	132,000	133,600	115,300	**-0.1**	6.1	12.8	**-4.9**	20.8	4.9	29.7	32.7	16.3
	PNJ	18,422	90	36,000	52,000	35,100	**-1.2**	16.1	**-29.1**	**-47.9**	6.4	1.3	21.2	44.4	4.6
	DGW	8,714	55	39,400	40,100	38,800	**-1.5**	7.7	0.0	**-10.9**	10.4	2.3	24.6	23.6	25.5
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	177,212	20	136,900	138,400	134,000	0.0	**-2.9**	**-0.5**	3.9	25.3	9.5	39.4	15.5	84.5
	VNM	129,577	40	62,000	63,100	55,000	5.1	1.8	12.5	0.8	13.1	4.1	31.1	49.4	50.6
	MSN	98,429	60	67,400	69,700	66,200	1.4	2.0	**-1.7**	**-16.8**	14.5	2.6	19.5	24.2	75.8
	SAB	57,395	11	44,750	47,400	43,700	2.4	2.8	**-5.3**	**-4.1**	12.4	2.9	23.0	58.8	41.3
	SBT	19,035	60	21,000	21,250	20,800	0.2	**-1.2**	**-0.9**	2.9	26.8	1.6	6.5	19.7	80.3
	HAG	17,807	50	14,050	14,950	13,950	**-0.4**	0.4	**-5.1**	**-14.3**	5.1	1.1	26.7	1.8	47.2
	KDC	14,259	45	51,600	51,800	48,100	**-0.2**	3.0	4.2	7.7	29.8	2.4	8.0	13.7	36.4
	BAF	11,346	70	31,100	31,300	29,750	**-0.3**	4.7	4.0	4.2	112.9	2.6	2.8	2.9	47.1
	VHC	10,766	40	51,400	59,800	51,400	**-2.3**	**-2.3**	**-11.1**	**-15.0**	7.9	1.1	15.4	18.7	81.3
	DBC	7,177	70	16,650	18,100	16,500	0.3	2.1	**-7.5**	**-17.9**	6.2	0.8	14.3	1.5	47.5
	PAN	5,214	45	20,800	22,500	20,750	**-0.7**	0.0	**-6.1**	**-24.0**	4.3	1.0	22.6	21.8	27.2
	ANV	4,620	30	17,350	20,550	17,150	0.3	1.8	**-14.3**	**-26.6**	5.3	1.2	24.3	2.7	46.3
Dầu khí	**BSR**	131,191	**8**	26,200	26,700	24,850	4.6	3.4	8.0	2.7	6.7	1.8	30.1	1.1	47.9
	PLX	45,678	**10**	35,950	36,050	33,900	6.7	8.0	3.0	**-4.6**	14.8	1.8	10.6	14.1	5.9
	PVD	16,746	50	18,050	20,012	17,850	1.7	**-0.6**	**-7.6**	**-4.7**	17.1	1.0	5.8	8.1	42.0
	PVT	9,486	50	18,350	19,500	17,950	2.8	0.3	**-3.4**	**-9.7**	6.8	1.0	15.6	13.3	35.7
Tiện ích	**GAS**	180,006	**5**	74,600	75,900	70,400	6.9	8.7	1.1	**-1.8**	14.3	2.6	18.5	2.0	47.0
	POW	41,723	20	13,600	14,850	13,450	1.5	0.0	**-7.5**	**-5.2**	6.7	1.0	16.4	4.5	45.5
	BWE	11,009	25	43,800	44,276	43,150	0.7	1.0	**-1.0**	2.4	11.1	1.6	15.7	2.3	46.7
	NT2	6,146	30	21,350	22,150	21,100	1.2	1.7	**-3.0**	**-12.3**	4.6	1.1	27.4	10.3	38.7
CNTT	FPT	121,374	85	70,800	72,800	70,300	0.1	5.5	**-3.3**	**-3.0**	12.1	3.0	27.3	27.8	21.3
	CMG	5,730	40	24,600	27,400	24,350	**-1.4**	1.2	**-9.2**	**-11.8**	13.9	1.8	13.4	36.5	13.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **07/08/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.